**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN ĐÔNG ANH**
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2019
*V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Đỗ Thị Vân.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Xuân Đính.
Bà Nguyễn Thanh Thủy.
*Thư ký phiên toà*: Ông Đỗ Duy Khoa- Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội:* Không tham gia phiên toà.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-ST ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú : Thôn Nhồi T, Xã Cổ L, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Tòa A1203- Imperia Garden- Số 203 Nguyễn Huy T, Phường Thanh X Trung, Quận Thanh X, Thành phố Hà Nội.

*2. Bị đơn:* Anh Chu Đình L, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Nhồi T, Xã Cổ L, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị Thủy.

Vắng mặt: Anh Lực.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Trong đơn khởi kiện ghi ngày 12/12/2018 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Chu Đình L ngày 24/12/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cổ L, huyện Đ, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống cùng gia đình anh L tại thôn Nhồi T, xã Cổ L, huyện Đ, Hà Nội. Sau khi chung sống được 08 tháng thì anh L đi du học tại

Nhật Bản. Chị ở nhà đi làm, nuôi con và phải gửi tiền học phí sang cho anh L. Nhưng anh L đã bỏ học ra ngoài, không về nước mà lao vào chơi game, không có ý chí phấn đấu sự nghiệp. Đến ngày 12/8/2018 anh L về Việt Nam, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, anh L luôn tự ti về bản thân và xúc phạm chị, đạp phá đồ đạc, bắt chị phải viết đơn ly hôn. Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ khoảng tháng 9/2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Chị và anh L sinh được 01 con chung là Chu Minh P, sinh ngày 15/01/2014. Chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con từ khi sinh ra cho đến nay, anh L không có trách nhiệm gì với con. Hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn, anh Chu Đình L trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh nhất trí với phần trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống cùng gia đình anh tại thôn Nhồi T, xã Cổ L, huyện Đ, Hà Nội. Tháng 10 năm 2012 anh đi du học tại Nhật Bản. Do hai vợ chồng xa nhau nên dẫn đến hiểu lầm, mâu thuẫn. Tháng 8 năm 2018 anh về nước, vợ chồng chung sống được khoảng 01 tháng thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân nhau. Theo anh, do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm cho nhau trong cuộc sống nên không hạnh phúc. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung**:*** Anh và chị T sinh được 01 con chung là Chu Minh P, sinh ngày 15/01/2014. Hiện cháu P đang ở với chị T. Ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh L và yêu cầu được nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

*{1} Về thẩm quyền:* Bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Nhồi T, xã Cổ L, huyện Đ, Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

*{2} Về thủ tục tố tụng:* Anh Chu Đình L vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*{3} Về nội dung:*

*{3.1}Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị T kết hôn với anh Chu Đình L ngày 24/12/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cổ L,

huyện Đ, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống cùng gia đình anh L tại thôn Nhồi T, xã Cổ L, huyện Đ, Hà Nội. Tháng 10 năm 2012 anh L đi du học tại Nhật Bản. Do hai vợ chồng anh chị xa nhau thời gian dài nên dẫn đến hiểu lầm, mâu thuẫn. Tháng 8 năm 2018 anh L về nước, nhưng vợ chồng anh chị tiếp tục mâu thuẫn và ly thân nhau. Thực tế hai anh chị chung sống cùng nhau thời gian rất ngắn. Như vậy, hôn nhân của hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T xin ly hôn, anh L đồng ý ly hôn. Nhưng do anh L vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn mà quyết định giải quyết cho chị T được ly hôn anh Lực là phù hợp pháp luật.

*{3.2} Về con chung:* Chị T và anh L sinh được 01 con chung là Chu Minh P, sinh ngày 15/01/2014. Hiện cháu P đang ở với chị T. Ly hôn cả chị T và anh L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

*Xét thấy:* Nguyện vọng được nuôi con của hai anh chị đều là chính đáng, nhưng việc giao con chung cho bố hay mẹ nuôi thì cần xem xét đến điều kiện học tập, ăn ở tốt nhất cho con chung. Cháu P từ khi sinh ra đến nay đều do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có nhà ở (Hợp đồng thuê nhà số công chứng 465/2019 của Văn phòng công chứng Phùng Kiên), thu nhập ổn định, hiện chị T đang làm tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ và tư vấn Toàn C, thu nhập 15.000.000 đồng/tháng. Trong khi đó, anh L khai làm tại công ty cổ phần nội thất và xây dựng An B, thu nhập 11.000.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp xác nhận cho Tòa án mặc dù đã được giao thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ. Do đó, cần giao cháu Chu Minh P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con, cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L là phù hợp pháp luật.

*{3.3} Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*{4} Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ:**

- Các Điều 56, 81, 82 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; các Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T về việc xin ly hôn anh Chu Đình L.

Chị Trần Thị T được ly hôn anh Chu Đình L.

2. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Chu Đình L sinh được 01 con chung là Chu Minh P, sinh ngày 15/01/2014.

Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Chu Minh P, sinh ngày 15/01/2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Chu Đình L cho đến khi con chung của anh, chị thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị T và anh Chu Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0008154 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Chị Thủy đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Chu Đình L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Đông Anh.
- TAND T.P Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã Cổ Loa (Giấy CNKH số: 120; Quyển số: 01/2012 ngày 24/12/2012).
- Chi cục THADS huyện Đông Anh.
- Lưu hồ sơ.

**Đỗ Thị Vân**